TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ - ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2021
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO - T□NH PH□ TH□

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Tiến Dũng

2/ Bà Ma Thị Trang Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/01/2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2021/TB - TA ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1982;
ĐKHKTT: Khu A, xã K, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở: Khu B, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Anh Trần Quang T2, sinh năm 1985;
ĐKHKTT: Khu A, xã K, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.
(Chị T có mặt, anh T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trần Quang T2 đăng ký kết hôn ngày 02/02/2013 tại UBND xã K, huyện Lâm Thao, tỉnh PhúThọ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T2 không quan tâm tới gia đình và chửi bới đánh đập chị, hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có con 01 chung là cháu Trần Trung N, sinh 20/11/2014. Khi ly hôn quan điểm của chị xin được nuôi con chung và chị không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về con riêng: Chị T xác định anh T2 có hai đứa con riêng là cháu Trần Tuyết M, sinh ngày 22/11/2005 và Trần Trung H, sinh ngày 10/9/2009, con riêng của anh T2, anh T2 tự nuôi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T xác định vợ chồng chị không có, nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh T2 vắng mặt, theo bản tự khai ngày 09/3/2021, anh Trần Quang T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T2 thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Thời gian gần đây cũng có những mâu thuẫn nhỏ, chị T xuống V ở trọ từ lâu không về nhà, không sống cùng anh, mỗi người sống một nơi. Theo anh mâu thuẫn không lớn nên anh không nhất trí ly hôn, anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh T2 xác định vợ chồng anh có con 01 chung là cháu Trần Trung N, sinh 20/11/2014. Nếu ly hôn đặt ra quan điểm của anh xin được nuôi con chung và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Về con riêng: Anh T2 xác định có hai đứa con riêng là cháu Trần Tuyết M, sinh ngày 22/11/2005 và Trần Trung H, sinh ngày 10/9/2009, con riêng của anh, anh tự nuôi, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh T2 xác định vợ chồng anh không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên toà phát biểu ý kiến nhận xét Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; người tham gia tố tụng chị T đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Còn anh T2 tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/3/2021 và ngày 09/4/2021 anh T2 vắng mặt không có lý do. Tòa án huyện Lâm Thao đã lập biên bản vắng mặt anh T2 làm căn cứ giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Trần Quang T2.

Về con chung: Giao cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Trung N, sinh 20/11/2014. Anh T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Trương Thị T và anh Trần Quang T2 đều xác định không có, nên không đặt ra quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn anh Trần Quang T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T2 vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T2 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trần Quang T2 đăng ký kết hôn ngày 02/02/2013 tại UBND xã K, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét thấy chị T và anh T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, anh T2 không quan tâm tới gia đình và chửi bới đánh đập chị T. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không cải thiện được cuộc sống vợ chồng hiện nay mỗi người sống một nơi. Anh T2 cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, mâu thuẫn không lớn nên anh không nhất trí ly hôn, anh xin được đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T2 không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, qua xác minh tại khu dân cư thấy rằng cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và anh, chị đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy xét ý kiến của chị T là phù hợp với pháp luật và cuộc sống thực tế của vợ chồng nên được chấp nhận, ý kiến của anh T2 không được chấp nhận. Vì vậy, cần xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Trần Quang T2 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T2 xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Trung N, sinh 20/11/2014. Nếu ly hôn đặt ra, cả hai đều xin được nuôi con chung và cả hai đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Việc anh T2 đề nghị giao con chung cho anh nuôi dưỡng là chưa đảm bảo về điều kiện chăm sóc. Anh cũng không có chứng cứ gì chứng minh mức thu nhập hàng tháng để nuôi con, đồng thời anh T2 còn nuôi hai đứa con riêng. Phía chị T đang làm công nhân có thu nhập ổn định. Mặt khác cháu N đang ở với chị T, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát

triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Nên cần giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Trung N, sinh 20/11/2014 là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị T không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về con riêng: Hai bên xác định anh Trần Quang T2 có 02 con riêng là cháu Trần Tuyết M, sinh ngày 22/11/2005 và Trần Trung H, sinh ngày 10/9/2009. Hai bên thống nhất, con riêng của anh T2, anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Trương Thị T và anh Trần Quang T2 đều xác định không có, nên không đặt ra quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Trần Quang T2.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trung N, sinh 20/11/2014 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Trương Thị T và anh Trần Quang T2 đều xác định không có, nên không đặt ra quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2019/0001890 ngày 19/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- *VKSND huyện Lâm Thao;*
- *Chi cục THADS huyện Lâm Thao ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tiên Kiên;*
- *Lưu HS,VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Kim Liên